

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 5Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

Số: 3620/2026/QĐST-DS *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2133/2026/TLST-DS ngày 19/5/2026 về vụ việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Công Ty Cổ Phần M1

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, Phường C, Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thảo N, sinh năm 2001; CCCD số 052301005018

2. Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: H đường L, Phường Đ, Thành phố Hà Nội; Có ông Trần Anh T, sinh năm 1992, đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: D N, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đỗ Hồng L, sinh năm 1987; CCCD số 096195001190

Địa chỉ: A đường T, TDP C, khu phố A, Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất những nội dung sau:

Bà Đỗ Hồng L thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/08/2026 trong đó:

Nợ gốc: 999.755.000 đồng

Nợ lãi và phạt chậm trả lãi: 256.160.299 đồng

Tổng cộng: 1.255.915.299 đồng

+ Bà **Đỗ Hồng L** phải thanh toán cho **Công ty cổ phần M1** tổng số tiền nợ và lãi tạm tính đến ngày 12/08/2026 là: 1,193,119,534 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi ba triệu một trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi tư đồng), trong đó nợ gốc là: 949,767,250 đồng (Chín trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng), nợ lãi và phạt chậm trả lãi là: 243,352,284 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn hai trăm tám mươi tư đồng)

+ Bà **Đỗ Hồng L** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** tổng số tiền nợ và lãi tạm tính đến ngày 12/08/2026 là: 62,795,765 đồng (trong đó nợ gốc là: 49,987,750 đồng, nợ lãi và phạt chậm trả lãi là: 12,808,015 đồng).

Đề nghị tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ của khoản vay cho đến ngày Bà **Đỗ Hồng L** thanh toán hết nợ cho **Công ty cổ phần M1** và **Ngân hàng TMCP V** (trương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ như trên).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán dứt điểm số nợ lãi và phạt chậm thực hiện nghĩa vụ trong hạn 02 tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Nếu quá hạn nói trên, Bà **Đỗ Hồng L** không trả nợ đầy đủ cho **Công ty Cổ phần M1** và **Ngân hàng TMCP V** thì **Công ty Cổ phần M1** và **Ngân hàng TMCP V** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho **Công ty Cổ phần M1**, cụ thể như sau: “*Thửa đất số 910, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã H, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 320538, Sổ vào sổ cấp GCN: CS10444 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh L cấp ngày 20/06/2022*”.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, **Công ty Cổ phần M1** và **Ngân hàng TMCP V** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của Bà **Đỗ Hồng L** để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Công ty Cổ phần M1** cho **Ngân hàng TMCP V** đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: 24.838.700 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm đồng) do bị đơn bà **Đỗ Hồng L** chịu. **H** lại cho **Công Ty Cổ Phần M1** số tiền tạm ứng án phí 23.265.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024344 ngày 16 tháng 4 năm 2026; **H** lại cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí 14.116.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm mười sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024345 ngày 16 tháng 4 năm 2026;

2.3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36 và Điều 71 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV5 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV5-TP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hoàng H1